

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2018/KDTM-PT

Ngày: 17/4/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Toại.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Văn Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Trinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Ân- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị Bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1221/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2113/2018/QĐ-PT ngày 06/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A.

Địa chỉ: Đường B, Phường U, quận T, TP.HCM.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: Đường B, Phường U, quận T, TP.HCM.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2018)

2. Bị đơn: Công ty TNHH B.

Địa chỉ: Đường Q, Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn T, sinh năm 1979

- Địa chỉ: Đường Z, phường P, Quận T, TP.HCM (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2018).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Cao S, Văn phòng Luật sư C- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự và luật sư có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

*** Đại diện Nguyên đơn trình bày:**

Vào các ngày 01/10/2008, ngày 15/10/2008 và ngày 31/10/2008 Công ty Cổ phần A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty B) đã ký các Hợp đồng số 57/KĐKT-08, 63/HĐKT-08 và phụ lục số 88/PLHĐ-KD. Theo đó Công ty A bán cho Công ty B số lượng 390 ống gang dẻo cấp nước hiệu XingXing với tổng giá trị hàng hóa là 859.950.000 đồng. Giao dịch mua bán đã được các bên thực hiện, Công ty A đã giao hàng đúng thời hạn và Công ty B đã nhận đủ hàng và đúng chủng loại hàng hóa như đã ký kết.

Công ty A đã xuất hóa đơn giá trị hàng hóa cho Công ty B với tổng giá trị hàng hóa theo hóa đơn là 859.950.000 đồng từ thời điểm ngày 29/12/2008 và ngày 30/12/2008.

Công ty B đã thanh toán cho Công ty A số tiền là 484.850.000 đồng, số tiền còn lại 375.000.000 đồng Công ty B vẫn chưa thanh toán mặc dù Công ty A đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu thanh toán nhưng Công ty B không có bất cứ sự phản hồi nào.

Vì vậy, Công ty A khởi kiện, yêu cầu Công ty B phải thanh toán số tiền còn thiếu theo hợp đồng là 375.100.000 đồng và tiền lãi là 253.000.000 đồng. Tổng cộng là: 628.100.000 đồng.

*** Đại diện Bị đơn trình bày:**

Các hợp đồng kinh tế và phụ lục hợp đồng được ký kết và thực hiện từ năm 2008 đã rất lâu, phía Công ty B đã mất hết hồ sơ, tài liệu. Căn cứ các tài liệu do nguyên đơn cung cấp nhận thấy không có biên bản giao nhận hàng hóa do hai bên ký, không có bảng đối chiếu công nợ giữa hai công ty nên chưa thể xác định được công nợ tồn tại.

Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần A.

Buộc Công ty TNHH B có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần A số tiền là 375.100.000 (Ba trăm bảy mươi lăm triệu một trăm ngàn) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Công ty TNHH B phải chịu án phí sơ thẩm là 18.750.000 đồng. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần A tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 14.562.000 (Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010790 ngày 06/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 18/12/2017, Công ty B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã đánh giá không đúng bản chất của vụ việc dẫn đến phán quyết sai lầm trong bản án đã gây thiệt hại cho bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, sửa bản án sơ thẩm, Bị đơn đồng ý trả cho Nguyên đơn số tiền như bản án sơ thẩm tuyên (375.100.000 đồng) nhưng xin trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ.

- Luật sư Cao Sỹ Nghị đề nghị như đại diện Bị đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh- Bà Nguyễn Thị Ân- phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi do Nguyên đơn rút yêu cầu này tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung bản án sơ thẩm do Hội đồng xét xử tóm tắt là đúng như bản án sơ thẩm và không có đương sự nào cung cấp thêm chứng cứ mới. Xét Tòa án nhân dân quận Tân Bình, TP.HCM thụ lý giải quyết tranh chấp về “hợp đồng mua bán hàng hóa”, giữa Công ty A với Công ty B là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền; trong quá trình giải quyết vụ án Công ty B không yêu cầu xem xét về thời hiệu nên Tòa án không xem xét về thời hiệu là đúng theo quy định tại Khoản 2, Điều 149 Bộ luật

Dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét đơn kháng cáo của Bị đơn cho rằng: Bản án sơ thẩm đã đánh giá không đúng bản chất của vụ việc dẫn đến phán quyết sai lầm, gây thiệt hại cho Bị đơn. Tuy nhiên, trong giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay đại diện Bị đơn không đưa ra được chứng cứ để phản bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cũng như không đưa ra được căn cứ để chứng minh phán quyết của bản án sơ thẩm có sai lầm là sai lầm gì. Việc Bị đơn cho rằng Bị đơn không còn lưu giữ hồ sơ của hợp đồng mua bán hàng hóa với Nguyên đơn nên Bị đơn không đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu của Nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn đồng ý trả cho Nguyên đơn số tiền như bản án sơ thẩm tuyên nhưng xin trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ, đại diện Nguyên đơn không đồng ý việc Bị đơn trả dần số nợ trên. Với những chứng cứ mà Nguyên đơn đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 375.100.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do yêu cầu kháng cáo của Bị đơn không được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2017/KDTM-ST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, TP.HCM.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần A.

Buộc Công ty TNHH B có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần A số tiền là 375.100.000 (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu một trăm ngàn*) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Công ty TNHH B phải chịu án phí sơ thẩm là 18.750.000 (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn*) đồng. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần A tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 14.562.000 (*Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn*) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số

AA/2016/0010790 ngày 06/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH B phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (Hai triệu) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng kháng cáo 2.000.000 (Hai triệu) đồng mà Công ty TNHH B đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0007471 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, TP.HCM.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Toại

